TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. V **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/HS-ST
Ngày 24/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Song Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

TRẦN MINH T1, sinh 1995 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 228/22 đường P, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đầu bếp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Trần Quang D, sinh năm 1961; Mẹ: Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1970; có 02 chị em, bị cáo là út;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt ngày 25/3/2021 (có mặt).

Bị hại: Ông Trương Hoàng T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: 132/13 đường L, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T3, sinh năm 1974; Địa chỉ: 151 đường V, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Ngô Anh V, sinh năm 1989; Địa chỉ: 60/26 đường H, phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/3/2021, Trần Minh T1 cùng người bạn tên D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến phòng trọ tại địa chỉ 508 đường B, phường A, thành phố V để nhậu với ông Trương Hoàng T2, sinh năm 1993, trú tại: 132/13 đường L, phường M, thành phố V và chủ phòng trọ là ông Ngô Anh V, sinh năm

1989, trú tại: 60/26 đường H, phường S, thành phố V. Một lúc sau T1 nói về trước, khi đi ra khỏi phòng trọ T1 thấy chiếc xe mô tô màu trắng hiệu Honda Wave Alpha, biển số 72L1-6116 của ông T2 có cắm chìa khóa và không ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông T2. T1 đi một vòng quan sát dãy nhà trọ thấy không có ai nên đã dắt xe mô tô đi khỏi phòng trọ và điều khiển về nhà tại 228/22 đường I, phường H, thành phố V. Sau khi lấy quần áo, T1 điều khiển xe mô tô biển số 72L1-6116 đi lên thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 20/3/2021, T1 đi đến quận G gặp bạn tên Phạm Văn P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nhờ P chỉ chỗ cầm xe cho mình. P đã đưa T1 mang xe đến tiệm cầm đồ M, địa chỉ: 151 đường V, phường M4, quận G, thành phố Hồ Chí Minh do bà Trần Thị T3, sinh năm 1974, trú tại: 151 đường V, phường M4, quận G, thành phố Hồ Chí Minh làm chủ và cầm cố xe với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Số tiền có được sau khi chiếm đoạt xe mô tô biển số 72L1-6116 T1 đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/3/2021, T1 đang trốn tại địa chỉ 1/69 đường T, phường A, thành phố V thì bị cơ quan chức năng phát hiện, yêu cầu về trụ sở làm việc.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐG ngày 04/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố V kết luận: giá trị xe mô tô hiệu Honda biển số 72L1-6116 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Trần Minh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên (bút lục điều tra từ số 56 đến 58 và từ số 63 đến 69).

* Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Thu 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, biển số 72L1-6116, số máy: C09E-0720930, số khung: 9067Y-001078. Ngày 11/5/2021, cơ quan điều tra Công an thành phố V đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 55/QĐ-Đ1 về việc trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng kí xe trên cho bị hại là ông Trương Hoàng T2.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu.

Bản cáo trạng số 160/CT-VKS ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Trần Minh T1 về tội *"Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản*", đồng thời đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù bằng thời hạn đã tạm giam bị cáo (05 tháng 29 ngày). Từ đó đề nghị áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đề xuất xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người liên quan không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không đề xuất xem xét.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại là ông Trương Hoàng T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T3, người làm chứng là ông Ngô Anh V, quá trình điều tra đã khai rõ, không yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt ông T2, bà T3 và ông V.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ lời khai nhận về hành vi, sự việc của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Lợi dụng sơ ý, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 17/3/2021, Trần Minh T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, biển số 72L1-6116 của ông Trương Hoàng T2 trị giá 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Minh T1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương; gây bất an, lo lắng cho xã hội. Do đó, cần tuyên mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Từ đó cân nhắc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Đối với bà Trần Thị T3 (chủ tiệm cầm đồ M) không biết tài sản Trần Minh T1 cầm cố tại tiệm của mình là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì; bà Trần Thị T3 cũng không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, không ai có ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Minh T1: 05 (năm) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2021.

Do thời hạn phạt tù của bị cáo bằng thời gian đã tạm giam, áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

2. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh BR–VT (PV06, PC10);
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền